UBND TỈNH HÀ NAM

SỞ Y TẾ

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾT QUẢ ĐẤU THẦU THUỐC, HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2017

Quí IV - năm 2018

Gói thầu số 04: Vị thuốc y học cổ truyền

STT	STTMT	Tên dược liệu/ vị thuốc	Nguồn gốc	Đơn vị	Nhóm TCKT	Đơn giá	Tên đơn vị trúng thầu	Số lượng đã nhập	Thành tiền	Số lượng kế hoạch chưa thực hiện	Thành tiền
1	1	Bạch chỉ	N	Kg	1	103,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	88	9,147,600	361	37,525,950
2	2	Kinh giới	N	Kg	1	69,300	Công ty CP Dược Sơn Lâm	49	3,395,700	55	3,811,500
3	4	Quế chi	N	Kg	1	48,300	Công ty CPDP Trường Thọ	176	8,476,650	357	17,218,950
4	5	Tế tân	B	Kg	1	599,550	Công ty CP Dược Sơn Lâm	79	47,364,450	104	62,353,200
5	6	Bạc hà	N	Kg	1	65,100	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	8	520,800	12	781,200
6	7	Cát căn	N	Kg	1	71,400	Công ty CPDP Trường Thọ	132	9,424,800	232	16,579,080
7	8	Cúc hoa	N	Kg	1	405,300	Công ty CP Dược Sơn Lâm	97	39,314,100	195	79,033,500
8	9	Sài hồ nam	N	Kg	1	40,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	72	2,948,400	30	1,228,500
9	10	Mạn kinh tử	N	Kg	1	88,200	Công ty CPDP Trường Thọ	70	6,174,000	81	7,144,200
10	11	Ngưu bàng tử	B	Kg	1	339,150	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	35	11,870,250	87	29,641,710
11	12	Sài hồ bắc	B	Kg	1	763,350	Công ty CP Dược Sơn Lâm	196	149,616,600	274	209,157,900
12	13	Thăng ma	B	Kg	1	375,900	Công ty CP Dược Sơn Lâm	159	59,768,100	107	40,221,300
13	16	Dây đau xương	N	Kg	1	54,600	Công ty CPDP Trường Thọ	502	27,409,200	1,022	55,801,200
14	17	Độc hoạt	B	Kg	1	239,400	Công ty CP Dược Sơn Lâm	472	112,996,800	996	238,442,400
15	18	Hy thiêm	N	Kg	1	56,700	Công ty CPDP Trường Thọ	74	4,195,800	319	18,087,300
16	19	Thương Nhĩ tử	N	Kg	1	90,300	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	68	6,140,400	30	2,709,000
17	20	Khương hoạt	B	Kg	1	1,370,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	554	759,118,500	773	1,059,203,250
18	21	Mộc qua	B	Kg	1	187,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	192	36,086,400	168	31,575,600
19	22	Ngũ gia bì chân chim	N	Kg	1	49,350	Công ty CPDP Trường Thọ	358	17,667,300	383	18,901,050
20	23	Ngũ gia bì gai	N	Kg	1	43,050	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	84	3,616,200	324	13,948,200
21	24	Phòng phong	B	Kg	1	1,229,550	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	815	1,002,083,250	837	1,029,133,350
22	25	Tang chi	N	Kg	1	39,900	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	11	438,900	31	1,236,900
23	26	Tang ký sinh	N	Kg	1	54,600	Công ty CPDP Trường Thọ	887	48,430,200	903	49,303,800
24	27	Tần giao	B	Kg	1	899,850	Công ty CP Dược Sơn Lâm	773	695,584,050	877	789,168,450
25	28	Thiên niên kiện	N	Kg	1	92,400	Công ty CPDP Trường Thọ	255	23,562,000	354	32,709,600
26	29	Trinh nữ (xấu hổ)	N	Kg	1	72,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	26	1,883,700	40	2,898,000
27	30	Uy linh tiên	B	Kg	1	339,150	Công ty CP Dược Sơn Lâm	121	41,037,150	64	21,705,600

STT	STTMT	Tên dược liêu/ vị thuốc	Nguồn gốc	Đơn vị	Nhóm TCKT	Đơn giá	Tên đơn vị trúng thầu	Số lượng đã nhập	Thành tiền	Số lượng kế hoạch chưa thực hiện	Thành tiền
28	31	Can khương	N	Kg	1	109,200	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	32	3,494,400	81	8,823,360
29	32	Đại hồi	N	Kg	1	115,500	Công ty CPDP Trường Thọ	1	115,500	34	3,903,900
30	33	Địa liền	N	Kg	1	195,300	Công ty CPDP Trường Thọ	232	45,309,600	123	23,982,840
31	34	Đinh hương	B	Kg	1	633,150	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	6	3,798,900	2	1,266,300
32	36	Thảo quả	N	Kg	1	405,300	Công ty CP Dược Sơn Lâm	8	3,242,400	9	3,809,820
33	37	Phụ tử chế (Hắc phụ)	B	Kg	1	681,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	30	20,443,500	0	0
34	38	Quế nhục	N	Kg	1	103,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	21	2,182,950	60	6,237,000
35	39	Bạch biển đậu	N	Kg	1	65,100	Công ty CPDP Trường Thọ	90	5,859,000	175	11,392,500
36	40	Hương nhu	N	Kg	1	93,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	66	6,167,700	0	0
37	41	Bồ công anh	N	Kg	1	79,800	Công ty CP Dược Sơn Lâm	53	4,229,400	57	4,548,600
38	42	Diệp hạ châu	N	Kg	1	61,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	119	7,372,050	78	4,819,710
39	43	Khổ qua	N	Kg	1	93,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	12	1,121,400
40	44	Kim ngân cuộng	N	Kg	1	84,000	Công ty CPDP Trường Thọ	62	5,208,000	10	840,000
41	45	Kim ngân hoa	N	Kg	1	359,100	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	192	68,947,200	364	130,712,400
42	46	Liên kiều	B	Kg	1	445,200	Công ty CP Dược Sơn Lâm	120	53,424,000	84	37,396,800
43	47	Sài đất	N	Kg	1	84,000	Công ty CPDP Trường Thọ	31	2,604,000	17	1,428,000
44	48	Thổ phục linh	N	Kg	1	90,300	Công ty CP Dược Sơn Lâm	699	63,119,700	942	85,062,600
45	49	Trinh nữ hoàng cung	N	Kg	1	119,700	Công ty CP Dược Sơn Lâm	63	7,541,100	92	11,012,400
46	50	Chỉ tử	N	Kg	1	165,900	Công ty CPDP Trường Thọ	27	4,479,300	49	8,129,100
47	51	Hạ khô thảo	N	Kg	1	103,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	55	5,717,250	0	0
48	52	Huyền sâm	B	Kg	1	199,500	Công ty CP Dược Sơn Lâm	107	21,346,500	155	30,922,500
49	53	Thạch cao	N	Kg	1	130,200	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	9	1,171,800	0	0
50	54	Tri mẫu	B	Kg	1	156,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	12	1,877,400	0	0
51	55	Hoàng bá	B	Kg	1	250,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	66	16,562,700	30	7,528,500
52	56	Hoàng bá nam	N	Kg	1	75,600	Công ty CPDP Trường Thọ	0	0	17	1,285,200
53	57	Hoàng cầm	B	Kg	1	394,800	Công ty CP Dược Sơn Lâm	30	11,844,000	66	26,056,800
54	58	Hoàng đằng	B	Kg	1	124,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	73	9,121,350	0	0
55	59	Hoàng Liên	B	Kg	1	892,500	Công ty CP Dược Sơn Lâm	72	64,260,000	6	5,355,000
56	61	Long đởm thảo	B	Kg	1	519,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	38	19,750,500	69	35,862,750
57	62	Nhân trần	N	Kg	1	84,000	Công ty CP Dược Sơn Lâm	137	11,508,000	440	36,960,000
58	63	Bạch mao căn	N	Kg	1	54,600	Công ty CPDP Trường Thọ	63	3,439,800	85	4,641,000
59	64	Địa cốt bì	B	Kg	1	177,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	1	177,450	16	2,839,200
60	65	Mẫu đơn bì	B	Kg	1	351,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	182	64,018,500	250	87,937,500

STT	STTMT	Tên dược liệu/ vị thuốc	Nguồn gốc	Đơn vị	Nhóm TCKT	Đơn giá	Tên đơn vị trúng thầu	Số lượng đã nhập	Thành tiền	Số lượng kế hoạch chưa thực hiện	Thành tiền
95	101	Mộc hương	B	Kg	1	170,100	Công ty CP Dược Sơn Lâm	148	25,174,800	122	20,752,200
96	102	Ô dược	N	Kg	1	96,600	Công ty CPDP Trường Thọ	12	1,159,200	23	2,183,160
97	103	Sa nhân	N	Kg	1	556,500	Công ty CPDP Trường Thọ	41	22,816,500	56	31,052,700
98	104	Trần bì	N	Kg	1	86,100	Công ty CP Dược Sơn Lâm	235	20,233,500	237	20,440,140
99	105	Đan sâm	B	Kg	1	257,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	365	93,896,250	592	152,292,000
100	106	Đào nhân	B	Kg	1	528,150	Công ty CP Dược Sơn Lâm	153	80,806,950	141	74,469,150
101	107	Hồng hoa	B	Kg	1	720,300	Công ty CP Dược Sơn Lâm	413	297,483,900	145	104,587,560
102	108	Huyết giác	N	Kg	1	129,150	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	194	25,055,100	130	16,789,500
103	109	Ích mẫu	N	Kg	1	44,100	Công ty CPDP Trường Thọ	48	2,116,800	70	3,078,180
104	110	Kê huyết đằng	N	Kg	1	46,200	Công ty CPDP Trường Thọ	338	15,615,600	756	34,927,200
105	111	Khương hoàn/ Uất kim	N	Kg	1	131,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	41	5,381,250	54	7,087,500
106	112	Một dược	B	Kg	1	424,200	Công ty CP Dược Sơn Lâm	140	59,388,000	22	9,332,400
107	113	Nga truật	N	Kg	1	130,200	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	25	3,255,000	40	5,181,960
108	114	Ngưu tất	B	Kg	1	234,675	Công ty CP Dược Sơn Lâm	535	125,551,125	742	174,175,785
109	115	Nhũ hương	B	Kg	1	414,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	40	16,590,000	97	40,147,800
110	116	Tô mộc	N	Kg	1	73,500	Công ty CPDP Trường Thọ	5	367,500	9	690,900
111	117	Xuyên khung	B	Kg	1	275,100	Công ty CP Dược Sơn Lâm	324	89,132,400	1,725	474,547,500
112	118	Cỏ nhọ nồi	N	Kg	1	72,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	6	434,700	0	0
113	119	Hoè hoa	N	Kg	1	136,500	Công ty CPDP Trường Thọ	133	18,154,500	207	28,255,500
114	120	Ngải cứu	N	Kg	1	53,550	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	18	963,900	60	3,213,000
115	121	Tam Thất	B	Kg	1	2,598,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	18	46,777,500	50	129,937,500
116	122	Trắc bách diệp	N	Kg	1	93,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	5	467,250	17	1,588,650
117	123	Bạch linh (phục linh)	B	Kg	1	244,650	Công ty CP Dược Sơn Lâm	399	97,615,350	1,237	302,632,050
118	124	Cỏ ngọt	N	Kg	1	90,300	Công ty CPDP Trường Thọ	12	1,083,600	36	3,250,800
119	125	Kim tiền thảo	N	Kg	1	72,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	107	7,752,150	480	34,776,000
120	126	Mã đề	N	Kg	1	77,700	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	93	7,226,100	0	0
121	127	Mộc thông	N	Kg	1	66,150	Công ty CP Dược Sơn Lâm	214	14,156,100	0	0
122	128	Thạch Vĩ	N	Kg	1	132,300	Công ty CP Dược Sơn Lâm	71	9,393,300	0	0
123	129	Thông thảo	B	Kg	1	895,650	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	153	137,034,450	0	0
124	130	Trạch tả	B	Kg	1	208,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	406	84,833,700	160	33,515,580
125	131	Tỳ giải	N	Kg	1	93,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	223	20,839,350	134	12,522,300
126	132	Xa tiền tử	B	Kg	1	250,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	8	2,007,600	9	2,208,360
127	133	Ý dĩ	N	Kg	1	88,200	Công ty CPDP Trường Thọ	261	23,020,200	215	18,963,000
128	134	Ý dĩ	B	Kg	1	131,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	337	44,231,250	153	20,081,250

STT	STTMT	Tên dược liêu/ vị thuốc	Nguồn gốc	Đơn vị	Nhóm TCKT	Đơn giá	Tên đơn vị trúng thầu	Số lượng đã nhập	Thành tiền	Số lượng kế hoạch chưa thực hiện	Thành tiền
61	66	Sinh địa	B	Kg	1	213,150	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	172	36,661,800	198	42,203,700
62	67	Thiên hoa phấn	B	Kg	1	194,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	29	5,633,250	17	3,302,250
63	68	Xích thược	B	Kg	1	394,800	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	88	34,742,400	90	35,532,000
64	69	Bán hạ	B	Kg	1	159,600	Công ty CP Dược Sơn Lâm	219	34,952,400	83	13,246,800
65	70	Thổ bối mẫu	B	Kg	1	1,050,000	Công ty CP Dược Sơn Lâm	46	48,300,000	31	32,550,000
66	72	Bách bộ	N	Kg	1	118,650	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	47	5,576,550	25	2,966,250
67	73	Bách hợp	B	Kg	1	382,200	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	7	2,828,280
68	74	Cát cánh	B	Kg	1	412,650	Công ty CP Dược Sơn Lâm	59	24,346,350	60	24,593,940
69	75	Hạnh nhân	B	Kg	1	362,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	147	53,250,750	69	24,995,250
70	76	Kha tử	B	Kg	1	177,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	60	10,647,000
71	77	Khoản đông hoa	B	Kg	1	945,000	Công ty CP Dược Sơn Lâm	186	175,770,000	61	57,645,000
72	78	Tang bạch bì	N	Kg	1	95,550	Công ty CP Dược Sơn Lâm	86	8,217,300	76	7,280,910
73	79	Tiền hồ	B	Kg	1	366,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	36	13,192,200
74	80	Tử uyển (Tô tử)	N	Kg	1	121,800	Công ty CP Dược Sơn Lâm	20	2,436,000	10	1,218,000
75	81	Tử uyển	B	Kg	1	194,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	85	16,511,250	25	4,856,250
76	82	Câu đằng	N	Kg	1	195,300	Công ty CPDP Trường Thọ	100	19,530,000	227	44,333,100
77	83	Địa long	N	Kg	1	968,100	Công ty CPDP Trường Thọ	20	19,362,000	100	96,810,000
78	84	Thiên ma	B	Kg	1	1,155,000	Công ty CP Dược Sơn Lâm	43	49,665,000	143	165,165,000
79	85	Bá tử nhân	B	Kg	1	609,000	Công ty CP Dược Sơn Lâm	26	15,834,000	3	1,705,200
80	86	Bình vôi	N	Kg	1	74,550	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	139	10,362,450	199	14,835,450
81	87	Lạc tiên	N	Kg	1	48,300	Công ty CPDP Trường Thọ	218	10,529,400	603	29,124,900
82	88	Liên tâm	N	Kg	1	269,850	Công ty CP Dược Sơn Lâm	84	22,667,400	93	25,096,050
83	89	Linh chi	B	Kg	1	1,342,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	57	76,548,150	55	73,862,250
84	90	Phục thần	B	Kg	1	350,700	Công ty CP Dược Sơn Lâm	109	38,226,300	135	47,344,500
85	91	Táo nhân	B	Kg	1	439,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	258	113,507,100	285	125,561,730
86	92	Thạch quyết minh	N	Kg	1	93,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	2	186,900	4	373,800
87	93	Thảo quyết minh	N	Kg	1	52,500	Công ty CPDP Trường Thọ	20	1,050,000	41	2,152,500
88	94	Viễn chí	B	Kg	1	829,500	Công ty CP Dược Sơn Lâm	141	116,959,500	271	224,794,500
89	95	Vông nem	N	Kg	1	82,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	35	2,903,250	25	2,073,750
90	96	Thạch xương bồ	N	Kg	1	159,600	Công ty CP Dược Sơn Lâm	24	3,830,400	47	7,501,200
91	97	Chỉ thực	N	Kg	1	76,650	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	104	7,971,600	72	5,503,470
92	98	Chỉ xác	N	Kg	1	71,400	Công ty CP Dược Sơn Lâm	17	1,213,800	19	1,356,600
93	99	Hậu phác	N	Kg	1	55,650	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	6	333,900	2	133,560
94	100	Hương phụ	N	Kg	1	89,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	104	9,282,000	75	6,693,750

STT	STTMT	Tên dược liệu/ vị thuốc	Nguồn gốc	Đơn vị	Nhóm TCKT	Đơn giá	Tên đơn vị trúng thầu	Số lượng đã nhập	Thành tiền	Số lượng kế hoạch chưa thực hiện	Thành tiền
95	101	Mộc hương	B	Kg	1	170,100	Công ty CP Dược Sơn Lâm	148	25,174,800	122	20,752,200
96	102	Ô dược	N	Kg	1	96,600	Công ty CPDP Trường Thọ	12	1,159,200	23	2,183,160
97	103	Sa nhân	N	Kg	1	556,500	Công ty CPDP Trường Thọ	41	22,816,500	56	31,052,700
98	104	Trần bì	N	Kg	1	86,100	Công ty CP Dược Sơn Lâm	235	20,233,500	237	20,440,140
99	105	Đan sâm	B	Kg	1	257,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	365	93,896,250	592	152,292,000
100	106	Đào nhân	B	Kg	1	528,150	Công ty CP Dược Sơn Lâm	153	80,806,950	141	74,469,150
101	107	Hồng hoa	B	Kg	1	720,300	Công ty CP Dược Sơn Lâm	413	297,483,900	145	104,587,560
102	108	Huyết giác	N	Kg	1	129,150	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	194	25,055,100	130	16,789,500
103	109	Ích mẫu	N	Kg	1	44,100	Công ty CPDP Trường Thọ	48	2,116,800	70	3,078,180
104	110	Kê huyết đằng	N	Kg	1	46,200	Công ty CPDP Trường Thọ	338	15,615,600	756	34,927,200
105	111	Khương hoàn/ Uất kim	N	Kg	1	131,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	41	5,381,250	54	7,087,500
106	112	Một dược	B	Kg	1	424,200	Công ty CP Dược Sơn Lâm	140	59,388,000	22	9,332,400
107	113	Nga truật	N	Kg	1	130,200	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	25	3,255,000	40	5,181,960
108	114	Ngưu tất	B	Kg	1	234,675	Công ty CP Dược Sơn Lâm	535	125,551,125	742	174,175,785
109	115	Nhũ hương	B	Kg	1	414,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	40	16,590,000	97	40,147,800
110	116	Tô mộc	N	Kg	1	73,500	Công ty CPDP Trường Thọ	5	367,500	9	690,900
111	117	Xuyên khung	B	Kg	1	275,100	Công ty CP Dược Sơn Lâm	324	89,132,400	1,725	474,547,500
112	118	Cỏ nhọ nồi	N	Kg	1	72,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	6	434,700	0	0
113	119	Hoè hoa	N	Kg	1	136,500	Công ty CPDP Trường Thọ	133	18,154,500	207	28,255,500
114	120	Ngải cứu	N	Kg	1	53,550	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	18	963,900	60	3,213,000
115	121	Tam Thất	B	Kg	1	2,598,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	18	46,777,500	50	129,937,500
116	122	Trắc bách diệp	N	Kg	1	93,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	5	467,250	17	1,588,650
117	123	Bạch linh (phục linh)	B	Kg	1	244,650	Công ty CP Dược Sơn Lâm	399	97,615,350	1,237	302,632,050
118	124	Cỏ ngọt	N	Kg	1	90,300	Công ty CPDP Trường Thọ	12	1,083,600	36	3,250,800
119	125	Kim tiền thảo	N	Kg	1	72,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	107	7,752,150	480	34,776,000
120	126	Mã đề	N	Kg	1	77,700	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	93	7,226,100	0	0
121	127	Mộc thông	N	Kg	1	66,150	Công ty CP Dược Sơn Lâm	214	14,156,100	0	0
122	128	Thạch Vĩ	N	Kg	1	132,300	Công ty CP Dược Sơn Lâm	71	9,393,300	0	0
123	129	Thông thảo	B	Kg	1	895,650	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	153	137,034,450	0	0
124	130	Trạch tả	B	Kg	1	208,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	406	84,833,700	160	33,515,580
125	131	Tỳ giải	N	Kg	1	93,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	223	20,839,350	134	12,522,300
126	132	Xa tiền tử	B	Kg	1	250,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	8	2,007,600	9	2,208,360
127	133	Ý dĩ	N	Kg	1	88,200	Công ty CPDP Trường Thọ	261	23,020,200	215	18,963,000
128	134	Ý dĩ	B	Kg	1	131,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	337	44,231,250	153	20,081,250

STT	STTMT	Tên dược liệu/ vị thuốc	Nguồn gốc	Đơn vị	Nhóm TCKT	Đơn giá	Tên đơn vị trúng thầu	Số lượng đã nhập	Thành tiền	Số lượng kế hoạch chưa thực hiện	Thành tiền
129	135	Đại hoàng	B	Kg	1	139,650	Công ty CP Dược Sơn Lâm	5	698,250	12	1,647,870
130	136	Chè dây	N	Kg	1	70,350	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	35	2,462,250
131	137	Hoắc hương	N	Kg	1	138,600	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	24	3,326,400
132	138	Kê nội kim	N	Kg	1	99,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	10	997,500	26	2,593,500
133	139	Lá khôi	N	Kg	1	360,150	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	11	3,961,650	13	4,681,950
134	140	Lục thần khúc	N	Kg	1	118,650	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	75	8,898,750	33	3,915,450
135	141	Mạch nha	N	Kg	1	75,600	Công ty CP Dược Sơn Lâm	0	0	36	2,721,600
136	142	Ô tặc cốt	N	Kg	1	160,650	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	79	12,691,350	105	16,868,250
137	143	Sơn tra	N	Kg	1	72,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	47	3,405,150	56	4,042,710
138	144	Thương truật (xương truật)	B	Kg	1	544,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	327	178,198,650	376	204,901,200
139	145	Khiếm thực	B	Kg	1	387,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	29	11,236,050
140	146	Kim anh	B	Kg	1	313,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	22	6,906,900
141	147	Liên nhục	N	Kg	1	96,600	Công ty CPDP Trường Thọ	430	41,538,000	893	86,263,800
142	148	Mẫu lệ	N	Kg	1	93,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	14	1,308,300
143	149	Ngũ vị tử	B	Kg	1	334,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	55	18,422,250	52	17,417,400
144	150	Nhục đậu khấu	B	Kg	1	1,155,000	Công ty CP Dược Sơn Lâm	12	13,860,000	24	27,720,000
145	151	Sơn thù	B	Kg	1	464,100	Công ty CP Dược Sơn Lâm	166	77,040,600	174	80,753,400
146	152	Cù gai	N	Kg	1	145,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	23	3,356,850
147	153	Tô ngạnh	N	Kg	1	72,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	14	1,014,300
148	154	Bạch thược	B	Kg	1	229,950	Công ty CP Dược Sơn Lâm	1,535	352,973,250	1,290	296,635,500
149	155	Đương quy	B	Kg	1	498,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	2,190	1,092,262,500	1,055	526,181,250
150	156	Đương quy (Toàn quy)	B	Kg	2	488,250	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	50	24,412,500	28	13,671,000
151	157	Hà thủ ô đỏ	B	Kg	1	186,900	Công ty CP Dược Sơn Lâm	367	68,592,300	573	107,093,700
152	158	Long nhãn	N	Kg	1	287,700	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	364	104,722,800	310	89,187,000
153	159	Thục địa	N	Kg	1	149,100	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	1,438	214,405,800	890	132,699,000
154	160	A giao	B	Kg	1	853,650	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	16	13,658,400	40	34,146,000
155	161	Câu kỷ tử	B	Kg	1	320,250	Công ty CP Dược Sơn Lâm	764	244,671,000	698	223,534,500
156	162	Hoàng tinh	N	Kg	2	187,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	6	1,127,700
157	163	Mạch môn	B	Kg	1	534,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	198	105,821,100	192	102,614,400
158	164	Ngọc trúc	B	Kg	1	400,050	Công ty CP Dược Sơn Lâm	25	10,001,250	34	13,601,700
159	165	Sa sâm	B	Kg	1	520,800	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	149	77,599,200	161	83,848,800
160	166	Thiên môn đông	N	Kg	1	397,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	96	38,203,200	65	25,866,750
161	167	Ba kích	N	Kg	1	519,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	478	248,440,500	252	130,977,000

STT	STTMT	Tên dược liệu/ vị thuốc	Nguồn gốc	Đơn vị	Nhóm TCKT	Đơn giá	Tên đơn vị trúng thầu	Số lượng đã nhập	Thành tiền	Số lượng kế hoạch chưa thực hiện	Thành tiền
162	168	Cẩu tích	N	Kg	1	46,200	Công ty CPDP Trường Thọ	733	33,864,600	585	27,027,000
163	169	Cốt toái bổ	N	Kg	1	105,000	Công ty CPDP Trường Thọ	290	30,450,000	578	60,690,000
164	170	Dâm dương hoắc	B	Kg	1	439,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	8	3,519,600
165	171	Đỗ trọng	B	Kg	1	190,050	Công ty CP Dược Sơn Lâm	1,022	194,231,100	1,012	192,330,600
166	172	ích trí nhân	B	Kg	1	686,700	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	13	8,927,100
167	173	Nhục thung dung	B	Kg	1	1,254,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	37	46,425,750	44	55,209,000
168	174	Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	B	Kg	1	179,550	Công ty CP Dược Sơn Lâm	0	0	30	5,386,500
169	175	Quảng vương bất lưu hành	N	Kg	1	502,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	144	72,424,800
170	176	Thỏ ty tử	B	Kg	1	415,800	Công ty CP Dược Sơn Lâm	4	1,663,200	26	10,810,800
171	177	Tục đoạn	N	Kg	1	179,550	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	509	91,390,950	403	72,358,650
172	178	Bạch truật	B	Kg	1	328,650	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	583	191,602,950	1,557	511,708,050
173	179	Bạch truật	B	Kg	2	309,750	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	42	13,009,500	30	9,292,500
174	180	Cam thảo	B	Kg	1	239,400	Công ty CP Dược Sơn Lâm	356	85,226,400	922	220,726,800
175	181	Đại táo	B	Kg	1	126,000	Công ty CP Dược Sơn Lâm	2,122	267,372,000	830	104,580,000
176	182	Đảng sâm	B	Kg	1	498,750	Công ty CP Dược Sơn Lâm	1,621	808,473,750	1,333	664,833,750
177	183	Hoài sơn	N	Kg	1	115,500	Công ty CPDP Trường Thọ	482	55,671,000	382	44,121,000
178	184	Hoàng kỳ	B	Kg	1	349,650	Công ty CP Dược Sơn Lâm	735	256,992,750	879	307,342,350
179	185	Nhân sâm	B	Kg	1	3,285,450	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	11	36,139,950
180	186	Bạch hoa xà	N	Kg	1	74,550	Công ty CP Dược Sơn Lâm	0	0	6	447,300
181	187	Long não	N	Kg	1	318,150	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	17	5,408,550
182	188	Phèn chua (Bạch phàm)	N	Kg	1	187,950	Công ty CP Dược liệu Việt Nam	0	0	11	2,067,450
Tổng: 182 mặt hàng									**11,064,831,225**		**12,047,228,865**

Hà Nam, ngày 15 tháng 01 năm 2019

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Trần Viết Huệ